

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN VINH HƯNG
TỈNH LONG AN
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/DS-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
V/v “Tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Hải.
- Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn S1. Địa chỉ: Lô S, khu A, cụm D, xã T, huyện V, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh L, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Long An là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn S, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị Bích T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp S, xã V, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/4/2023, biên bản ghi lời khai ngày 16/6/2023, bản tự khai ngày 26/7/2023 và tại phiên tòa, đại diện của nguyên

đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Từ ngày 15/4/2022 đến ngày 22/6/2022 anh Huỳnh Văn S có đến Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 để mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, thỏa thuận mua bán sẽ trả đủ tiền sau khi thu hoạch. Đến ngày 22/8/2022 đã thu hoạch lúa, đối chiếu sổ sách thì anh S còn nợ số tiền 164.535.000 đồng và anh S có viết biên nhận.

Sau nhiều lần yêu cầu anh S trả nợ, nhưng anh S không thực hiện. Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 yêu cầu anh Huỳnh Văn S và chị Phạm Thị Bích T là vợ của anh S phải liên đới trả số tiền còn nợ tiền phân bón, thuốc trừ sâu là 164.535.000 đồng.

Đồng thời, anh L cũng yêu cầu tính lãi suất của số tiền 164.535.000 đồng, mức lãi suất là 1,5% tháng, thời hạn tính lãi suất từ ngày 22/6/2022 đến ngày 22/4/2023 (số tiền 164.535.000 đồng x 1,5% tháng x 10 tháng = 24.680.000 đồng,) thành tiền 24.680.000 đồng, nhưng chỉ yêu cầu anh S, chị T liên đới trả số tiền lãi suất là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, anh L còn yêu cầu tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án, thời hạn tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Bị đơn anh Huỳnh Văn S được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa, qua xác minh thì anh S có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 26 tháng 7 năm 2023 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Bích T trình bày: Chị T là vợ của anh Huỳnh Văn S có đăng ký kết hôn theo quy định, trước đây anh S có mua phân bón, thuốc trừ sâu tại Công ty của anh L và còn nợ số tiền 164.535.000 đồng. Nay đồng ý trả số tiền 164.535.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi suất, vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn xin được trả nhiều lần.

Do anh Huỳnh Văn S không đến Tòa án, Tòa án tiến hành lập biên bản không hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 khởi kiện anh Huỳnh Văn S, chị Phạm Thị Bích T về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”, do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng quy định; của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng quy định, của bị đơn chưa chấp hành.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

+ Anh L đại diện của Công ty yêu cầu anh Huỳnh Văn S phải trả 164.535.000 đồng tiền nợ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu. Anh S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án, không cung cấp chứng cứ để bảo

vệ quyền lợi. Nguyên đơn cung cấp “sổ theo dõi mua bán cùng với giấy nhận nợ ngày 22/8/2022 thể hiện nội dung mua bán giữa anh S với Công ty, có chữ ký và tên của anh S, thể hiện anh S còn nợ số tiền 164.535.000 đồng. Do đó, yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 là có căn cứ.

+ Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Theo lời trình bày của bà T thì bà T là vợ hợp pháp của anh S, có biết việc mua bán giữa anh S với Công ty và biết anh S còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 số tiền 164.535.000 đồng, nhưng chị T xin trả dần, nguyên đơn không đồng ý nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến của chị T về việc trả dần số tiền.

+ Về lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền lãi 10.000.000 đồng, được chị T đồng ý theo biên bản hòa giải ngày 26/7/2023 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích nêu trên, căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự; các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc anh S, chị T trả số tiền nợ mua bán là 164.535.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết và xác định quan hệ tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” là đúng thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố Tụng dân sự.

Sau khi có quyết định xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần cho anh Huỳnh Văn S nhưng anh S vắng mặt không vì trở ngại khách quan hay vì sự kiện bất khả kháng; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S, chị T theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 khởi kiện anh Huỳnh Văn S, trong quá trình giải quyết vụ án Công ty yêu cầu đưa chị Phạm Thị Bích T là vợ của anh S có nghĩa vụ liên đới với anh S để trả nợ. Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đưa chị Phạm Thị Bích T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 giao kết hợp đồng mua bán phân bón, thuốc trừ sâu với anh Huỳnh Văn S để phục vụ sản xuất nông nghiệp. Nay các bên không có tranh chấp về chủng loại, chất lượng của vật mua bán...; các bên chỉ tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền. Theo trình bày của nguyên đơn thì việc mua bán sẽ thanh toán sau 03 tháng, kể từ ngày mua hoặc sau khi

thu hoạch lúa. Như vậy, anh S mua phân bón từ ngày 15/4/2022, đến ngày 22/8/2022 đối chiếu sổ và đến ngày 27/4/2023 Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 khởi kiện là có căn cứ.

[2.2] Anh Huỳnh Văn S được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì anh S có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ để chứng minh nhưng anh S không cung cấp được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ.

[2.3] Tại phiên tòa, anh L đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 yêu cầu anh Huỳnh Văn S, chị Phạm Thị Bích T liên đới trả số tiền 164.535.000 đồng tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ. Tại bản tự khai ngày 26/7/2023 được chị Phạm Thị Bích T xác nhận chữ ký theo giấy biên nhận do nguyên đơn cung cấp là chữ ký, viết họ tên là của anh S và thừa nhận còn nợ, đồng ý trả số tiền là 164.535.000 đồng. Do đó, yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[2.4] Tại phiên tòa, anh L đại diện của Công ty yêu cầu anh S, chị T phải liên đới trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thời gian tính lãi suất từ ngày vi phạm là ngày 22/8/2022 đến ngày 22/4/2023, mức lãi suất là 1,5% thành tiền là 24.680.000 đồng, nhưng anh L chỉ yêu cầu anh S, chị T liên đới trả số tiền lãi là 10.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 26/7/2023 chị T đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng. Do đó, yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

[2.5] Anh L đại diện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 yêu cầu anh S, chị T còn phải tiếp tục trả lãi trong giai đoạn thi hành án, được tính lãi kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là có căn cứ theo Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 đối với anh Huỳnh Văn S, chị Phạm Thị Bích T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh S, chị T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S1, mức án phí là 5%

Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S1

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 68, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 288, 430, 431, 433, 434, 440 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 đối với anh Huỳnh Văn S, chị Phạm Thị Bích T về việc tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Anh Huỳnh Văn S, chị Phạm Thị Bích T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 tổng số tiền là 174.535.000 đồng (trong đó 164.535.000 đồng tiền nợ mua bán + 10.000.000 đồng tiền lãi = 174.535.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 02 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

Anh Huỳnh Văn S, chị Phạm Thị Bích T phải chịu 8.726.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S1 4.730.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003978 ngày 11/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/Huyện;
- Chi cục THA DS;
- Các đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Hựu